

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Ngô Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh N- sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Chị N, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thanh N trình bày: Chị và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 6 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè về nhà chửi mắng, đánh vợ, chị bị bạo hành cả về thể xác và tinh thần. Hai bên gia đình đã giàn xếp, khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2023. Chị về nhà ở với bố mẹ đẻ tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không thay đổi tính nết, vẫn thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, bạo hành chị về tinh thần. Chị N xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quang D, sinh ngày 22/3/2013. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu Dững ở với chị N, cháu ngoan, khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quang D và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty giấy da VENUS tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập bình quân là 9.000.000đ/ tháng. Chị có nơi ở, công việc ổn định và đi làm gần nhà nên có thời gian chăm sóc con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 26/10/2023 và các văn bản tố tụng, bị đơn là anh Lê Văn H trình bày và đề nghị: Anh và chị Phạm Thị Thanh N đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 6 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 14 năm, do áp lực công việc, anh hay nhậu nhẹt với bạn bè, không làm chủ bản thân về có chửi bới và đánh vợ. Gia đình hai bên đã hòa giải khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Anh vẫn còn tình cảm với chị N, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quang D, sinh ngày 22/3/2013. Hiện tại cháu đang sinh sống cùng với chị N. Cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Nếu trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quang D và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm việc cho công ty TNHH VINASTONE H tại thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, mức thu nhập bình quân là 15.000.000đ/ tháng. Trường hợp, anh được trực tiếp nuôi con, anh sẽ nhờ bố mẹ đẻ đang ở tại thôn 2, xã N, huyện T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đi làm và gửi tiền cho ông bà nội nuôi cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 09/11/2023, đại diện chính quyền UBND xã N, huyện T cung cấp: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương. Nguyên nhân vợ chồng anh H mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân. Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Lê Quang D, sinh ngày 22/3/2013, cháu đang ở với chị N. Chị N và anh H có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, chấp hành tốt pháp luật và có điều kiện nuôi con.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 LHNGĐ: Xử cho chị Phạm Thị Thanh N được ly hôn anh Lê Văn H. Về con chung giao cho chị

N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quang D, sinh ngày 22/3/2013. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản và công nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xét. Chị N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh H cư trú tại xã N huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh N và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 6 năm 2008 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, hay xảy ra xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Phạm Thị Thanh N được ly hôn anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quang D, sinh ngày 22/3/2013.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của các đương sự: Chị N và anh H đều có nguyện vọng nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự. Chị N và anh H đều có sức khỏe, thu nhập ổn định để nuôi con. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Quang D ở với chị N. Cháu đang học lớp 5 Trường tiểu học H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Cháu khỏe mạnh, phát triển tốt. Điều đó thể hiện chị N có điều kiện chăm sóc con tốt. Đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Quang D mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, để tránh xáo trộn tâm lý, nơi ở, nơi học học tập và đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cháu Quang D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ng: Giao cháu Quang D cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, trường hợp chị N không còn đủ điều kiện nuôi con, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thanh N được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung: Cháu Lê Quang D, sinh ngày 22/3/2013. Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quang D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2022/0000177 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu